

**CÔNG TY CỔ PHẦN TECHPHA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TECHPHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHPHA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TECHPHA

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110524454

**3. Ngày thành lập:** 30/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3 toà nhà PVV-Vinapharm, 60B đường Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985983085

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế thông thường loại A, B, C; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649(Chính) |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                             | 4669        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Đại diện cho thương nhân; Nhượng quyền thương mại; Xuất khẩu; nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc                                                                                                                                                                                                                                         | 8299        |
| 5.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Không bao gồm dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9610        |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động công nghiệp phần cứng; Hoạt động công nghiệp phần mềm; Hoạt động công nghiệp nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6209        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, .... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp; Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web....; Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,...) cho khách hàng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6311 |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7020 |
| 10. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7120 |
| 11. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ đa dạng phục vụ khách hàng tiêu dùng. Gồm những hoạt động có kỹ năng chuyên môn, khoa học và công nghệ; Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Thẩm định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7490 |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4711 |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4719 |
| 14. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất súp và nước xuýt; Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; Sản xuất dấm; Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); Sản xuất men bia; Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; Sản xuất sữa tách bơ và bơ; Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; Sản xuất thực phẩm chức năng | 1079 |
| 15. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm (Trừ Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2023 |
| 16. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2100 |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4789 |

|     |                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử                                                                                                               | 4791 |
| 19. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ thuốc; - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình;<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN YÊN<br>THỂ | CH08 T15<br>TN24T3, Số 6 Lê<br>Văn Thiêm,<br>Phường Thanh<br>Xuân Trung,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       | 0340850071<br>83                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                               | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                                   |                           |        |             |        |                  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | NGUYỄN THỊ THU THẢO | CH08 T15<br>TN24T3, Số 6 Lê Văn Thiêm,<br>Phường Thanh Xuân Trung,<br>Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 | 0341920065<br>66 |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Tổng số                   | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 |                  |
| 3 | NGUYỄN BIÊN GIỚI    | Nhà A4, Ngõ 102 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 0340850074<br>27 |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |                  |
| 4 | NGUYỄN NGỌC SƠN     | Số 5, Ngõ 44, Đường Nhân Hòa, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 0340990017<br>18 |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                   | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |                  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN BIÊN GIỚI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/04/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034085007427

Ngày cấp: 13/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hòa Nha, Xã Thụy Chính, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nhà A4, Ngõ 102 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội